

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2023/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung, mức chi đối với tập thể, cá nhân đoạt giải trong kỳ thi, cuộc thi Quốc tế, Quốc gia thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, thể dục - thể thao, văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ Thông tin ngày 26 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Sửa đổi một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật 09/Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 110/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế;

Xét Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết về quy định nội dung, mức chi đối với tập thể, cá nhân đoạt giải trong kỳ thi, cuộc thi Quốc tế, Quốc gia thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, thể dục - thể thao, văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi đối với tập thể, cá nhân đoạt giải trong kỳ thi, cuộc thi Quốc tế, Quốc gia thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, thể dục - thể thao, văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 44/2014/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong các kỳ thi, cuộc thi Quốc tế, khu vực Quốc tế và cấp Quốc gia thuộc các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, thể dục - thể thao, văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Nội dung, mức chi đối với tập thể, cá nhân đoạt giải
trong kỳ thi, cuộc thi Quốc tế, Quốc gia thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo,
thể dục - thể thao, văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông**

*(Kèm theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung, mức chi đối với tập thể, cá nhân của tỉnh Thái Nguyên đoạt giải trong kỳ thi, cuộc thi Quốc tế, Quốc gia thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, thể dục - thể thao, văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tập thể, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh *(hoặc cơ quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ)* cử tham gia và đoạt giải tại kỳ thi, cuộc thi Quốc tế; kỳ thi, cuộc thi chính thức Quốc gia trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, thể dục - thể thao, văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông.

b) Giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên được Ủy ban nhân dân tỉnh *(hoặc cơ quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ)* phân công đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng và có tập thể, cá nhân đoạt giải tại các kỳ thi, cuộc thi Quốc tế, Quốc gia trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, thể dục - thể thao, văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Kỳ thi, cuộc thi Quốc tế bao gồm: Kỳ thi, cuộc thi thế giới, châu lục và khu vực.

2. Kỳ thi, cuộc thi thế giới là kỳ thi, cuộc thi được tổ chức trên phạm vi toàn thế giới.

3. Kỳ thi, cuộc thi châu lục là kỳ thi, cuộc thi được tổ chức trên phạm vi châu lục hoặc liên châu lục.

4. Kỳ thi, cuộc thi khu vực là kỳ thi, cuộc thi được tổ chức trên phạm vi khu vực của châu lục.

5. Kỳ thi, cuộc thi Quốc gia là kỳ thi, cuộc thi chính thức Quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt tổ chức thường xuyên hằng năm, định kỳ trên phạm vi toàn quốc hoặc được tổ chức theo khu vực do Bộ, ngành Trung ương tổ chức.

6. Giải thưởng bao gồm giải Đặc biệt; giải Nhất, giải Nhì, giải Ba (*hoặc giải A, giải B, giải C; hoặc huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng*); giải Khuyến khích hoặc giải tương đương.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thưởng đối với tập thể, cá nhân đoạt giải trong kỳ thi, cuộc thi phải đảm bảo chính xác, công khai, công bằng, minh bạch và kịp thời giữa các ngành, địa phương, các lĩnh vực, nhằm tôn vinh các tập thể, cá nhân.

2. Căn cứ đề xét thưởng là Giấy chứng nhận (*hoặc Giấy xác nhận, hoặc Thông báo kết quả của Ban Tổ chức kỳ thi, cuộc thi*); điều lệ giải; quyết định thành lập đoàn tham dự kỳ thi, cuộc thi; lịch tổ chức kỳ thi, cuộc thi của Bộ, ngành Trung ương (*hoặc cơ quan được Bộ, ngành Trung ương ủy quyền*).

3. Tập thể, cá nhân thuộc tỉnh Thái Nguyên khi tham gia các giải thi đấu tại nước ngoài đoạt giải tại các kỳ thi, cuộc thi chính thức thế giới, châu lục và khu vực được thưởng theo quy định này phải do Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đồng ý cho phép tham gia; Bộ, ngành Trung ương (*hoặc cơ quan được Bộ, ngành Trung ương ủy quyền*) cử tham gia kỳ thi, cuộc thi.

4. Tiền thưởng được tính theo mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định khen thưởng nhân với hệ số quy định tại Quy định này.

5. Trong cùng một thời điểm, tại một kỳ thi, cuộc thi, tập thể, cá nhân đoạt được từ 02 giải thưởng trở lên ở nội dung thi khác nhau thì được nhận tiền thưởng của tất cả các giải thưởng đã đoạt được.

6. Mức thưởng đối với giải Đặc biệt bằng 1,5 lần mức thưởng giải Nhất (*hoặc huy chương Vàng, giải A, giải tương đương*).

7. Mức thưởng đối với giải Khuyến khích (hoặc giải tương đương) bằng 70% mức thưởng giải Ba (hoặc huy chương Đồng, giải C, giải tương đương).

8. Mức thưởng đối với giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên:

a) Mức thưởng cho giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên hoặc tập thể giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn được tính bằng 50% mức thưởng của tập thể, cá nhân đoạt giải.

b) Mức thưởng cho giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên hoặc tập thể giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn cho tập thể, cá nhân ở tuyến tỉnh trước khi tham gia đội tuyển dự thi các kỳ thi, cuộc thi thể giới, châu lục, khu vực được tính bằng 25% mức thưởng của tập thể, cá nhân đoạt giải.

c) Đối với các môn, nội dung thi đấu có thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

9. Việc phân chia tiền thưởng cho từng cá nhân đối với tập thể giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên được thưởng do đơn vị cử tham gia kỳ thi, cuộc thi quyết định căn cứ vào mức độ tham gia đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện.

Điều 4. Nội dung, mức thưởng thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo

1. Đối tượng

a) Học sinh, sinh viên, học viên đang học tập tại các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý đoạt giải Đặc biệt; giải Nhất, giải Nhì, giải Ba (hoặc giải A, giải B, giải C; hoặc huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng); giải Khuyến khích hoặc giải tương đương trong kỳ thi, cuộc thi gồm: Olympic Quốc gia; thi chọn học sinh giỏi Quốc gia các môn học, thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật và các cuộc thi kỹ năng nghề Quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức, cuộc thi viết thư Quốc tế UPU do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

Học sinh, sinh viên, học viên đang học tập tại các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý đoạt giải Đặc biệt; giải Nhất, giải Nhì, giải Ba (hoặc giải A, giải B, giải C; hoặc huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng); giải Khuyến khích hoặc giải tương đương trong kỳ thi,

cuộc thi Quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định cử tham gia, gồm: Thi Olympic Quốc tế các môn học, Olympic Châu Á các môn học; thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật quốc tế; thi kỹ năng nghề thế giới, thi kỹ năng nghề Châu Á, thi kỹ năng nghề Đông Nam Á.

b) Giáo viên, giảng viên tại các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý trực tiếp tham gia bồi dưỡng các học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải tại các kỳ thi, cuộc thi Quốc tế, Quốc gia; trực tiếp tham gia bồi dưỡng các học sinh, sinh viên, học viên ở đội tuyển tỉnh trước khi các học sinh, sinh viên, học viên tham gia đội tuyển Quốc gia để đi thi và đoạt giải tại các kỳ thi, cuộc thi Quốc tế.

c) Giáo viên, giảng viên tại các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý đoạt giải Đặc biệt; giải Nhất, giải Nhì, giải Ba (*hoặc giải A, giải B, giải C; hoặc huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng*); giải Khuyến khích hoặc giải tương đương trong cuộc thi Quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức.

2. Mức thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên, giáo viên, giảng viên đoạt giải các kỳ thi, cuộc thi đoạt giải (gọi chung là cá nhân đoạt giải) được tính theo hệ số như sau:

Thành tích	Giải Nhất (hoặc tương đương)	Giải Nhì (hoặc tương đương)	Giải Ba (hoặc tương đương)
Quy mô cuộc thi			
Giải Thế giới	70	50	35
Giải Châu lục	50	35	20
Giải Khu vực	30	20	12
Giải Quốc gia	16	8	4

3. Đối với các môn thi đồng đội, mức thưởng bằng số lượng cá nhân dự thi nhân với 50% mức thưởng đối với giải tương ứng. Riêng với các môn thi đồng đội có 02 cá nhân dự thi, mức thưởng cho mỗi cá nhân bằng với mức thưởng của cá nhân đoạt giải.

4. Mức thưởng đối với giáo viên, giảng viên được tính theo khoản 8 Điều 3 của Quy định này.

Điều 5. Nội dung, mức thưởng thuộc lĩnh vực thể dục - thể thao

1. Đối tượng

a) Vận động viên thuộc tỉnh Thái Nguyên đoạt huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng (*hoặc giải Nhất, giải Nhì, giải Ba, giải tương đương*), phá kỷ lục tại các kỳ thi, cuộc thi Quốc tế; các kỳ thi, cuộc thi Quốc gia do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức hoặc cơ quan được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ủy quyền tổ chức.

b) Huấn luyện viên thuộc tỉnh Thái Nguyên trực tiếp đào tạo vận động viên đoạt giải tại các kỳ thi, cuộc thi Quốc tế, Quốc gia; huấn luyện viên thuộc tỉnh Thái Nguyên trực tiếp đào tạo vận động viên ở đội tuyển tỉnh trước khi vận động viên tham gia tập luyện ở đội tuyển Quốc gia và đoạt giải tại các kỳ thi, cuộc thi Quốc tế.

c) Học sinh đoạt huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng (*hoặc giải Nhất, giải Nhì, giải Ba, giải tương đương*) khi tham gia Hội khỏe Phù Đổng do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

2. Mức thưởng đối với vận động viên đoạt giải tại các kỳ thi, cuộc thi Quốc tế, Quốc gia được tính theo hệ số như sau:

STT	<i>Thành tích Tên cuộc thi</i>	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
I	<i>Đại hội, giải thể thao quy mô thế giới</i>			
1	<i>Đại hội Olympic</i>	70	50	35
2	<i>Đại hội Olympic trẻ</i>	60	40	30
3	<i>Giải vô địch thế giới (cúp thế giới) từng môn của các môn thể thao nhóm I</i>	50	30	20
4	<i>Giải vô địch thế giới (cúp thế giới) từng môn của các môn thể thao nhóm II</i>	40	25	15
5	<i>Giải vô địch thế giới (cúp thế giới)</i>	25	20	12

	<i>từng môn của các môn thể thao nhóm III</i>				
6	<i>Đại hội thể thao quy mô thế giới khác</i>		25	15	10
II	<i>Đại hội, giải thể thao quy mô Châu lục</i>				
1	<i>Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD)</i>		50	35	20
2	<i>Đại hội thể thao trong nhà Châu Á (Indoor Games)</i>		50	35	20
3	<i>Giải vô địch Châu Á (cúp Châu Á) từng môn của các môn thể thao nhóm I</i>		25	15	10
4	<i>Giải vô địch Châu Á (cúp Châu Á) từng môn của các môn thể thao nhóm II</i>		20	12	8
5	<i>Giải vô địch Châu Á (cúp Châu Á) từng môn của các môn thể thao nhóm III</i>		15	10	6
6	<i>Đại hội thể thao quy mô Châu Á khác</i>		15	10	6
III	<i>Đại hội, giải thể thao theo quy mô khu vực</i>				
1	<i>Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games)</i>		30	20	12
2	<i>Giải vô địch Đông Nam Á (cúp Đông Nam Á) từng môn thể thao nhóm I</i>		20	12	8
3	<i>Giải vô địch Đông Nam Á (cúp Đông Nam Á) từng môn thể thao nhóm II</i>		16	10	6
4	<i>Giải vô địch Đông Nam Á (cúp Đông Nam Á) từng môn thể thao nhóm III</i>		12	8	4
IV	<i>Đại hội thể dục thể thao toàn quốc</i>		16	8	4
V	<i>Giải Quốc gia từng môn</i>		8	4	2

Môn thể thao nhóm I, nhóm II, nhóm III quy định trên cơ sở các môn thể thao được đưa vào chương trình thi đấu Đại hội Olympic, Đại hội thể thao Châu Á và các giải thi đấu thể thao Quốc tế khác.

3. Mức thưởng đối với vận động viên đoạt giải tại các đại hội, giải thể thao Quốc tế, Quốc gia dành cho người khuyết tật được tính theo hệ số như sau:

STT	<i>Thành tích</i> <i>Tên cuộc thi</i>	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
I	<i>Đại hội, giải thể thao quy mô thế giới</i>			
1	<i>Paralympic</i>	70	50	35
2	<i>Paralympic trẻ</i>	60	40	30
3	<i>Giải vô địch thế giới (cúp thế giới) từng môn của các môn thể thao nhóm I</i>	50	30	20
4	<i>Giải vô địch thế giới (cúp thế giới) từng môn của các môn thể thao nhóm II</i>	40	25	15
II	<i>Đại hội, giải thể thao quy mô Châu lục</i>			
1	<i>Đại hội thể thao người khuyết tật Châu Á (Asian PARA Games)</i>	50	35	20
2	<i>Giải vô địch Châu Á (cúp Châu Á) người khuyết tật từng môn của các môn thể thao nhóm I</i>	25	15	10
3	<i>Giải vô địch Châu Á (cúp Châu Á) người khuyết tật từng môn của các môn thể thao nhóm II</i>	20	12	8
III	<i>Đại hội, giải thể thao theo quy mô khu vực</i>			
1	<i>Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á</i>	30	20	12
2	<i>Giải vô địch Đông Nam Á (cúp Đông Nam Á) người khuyết tật từng môn của các môn thể thao nhóm I</i>	20	12	8
3	<i>Giải vô địch Đông Nam Á (cúp Đông Nam Á) người khuyết tật từng môn của các môn thể thao nhóm II</i>	16	10	6
IV	<i>Đại hội thể dục thể thao người khuyết tật toàn quốc</i>	16	8	4
V	<i>Giải thể thao người khuyết tật Quốc gia (từng môn)</i>	8	4	2

Các môn thể thao nhóm I là các môn thể thao trong chương trình thi đấu của Đại hội thể thao người khuyết tật thế giới, các môn thể thao nhóm II là các môn còn lại.

4. Đối với các môn thể thao thi đấu đồng đội, mức thưởng bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng đối với giải tương ứng. Riêng với các môn thể thao có hình thức thi đấu đôi, mức thưởng cho mỗi vận động viên bằng với mức thưởng cho vận động viên tham gia hình thức thi đấu đơn.

5. Vận động viên phá kỷ lục

Vận động viên đoạt Huy chương và phá kỷ lục so với thành tích cao nhất trong lịch sử cuộc thi, ngoài mức thưởng đoạt huy chương được thưởng thêm bằng 30% mức thưởng tương ứng của vận động viên đoạt huy chương Vàng.

Vận động viên phá kỷ lục so với thành tích cao nhất trong lịch sử cuộc thi nhưng không được tặng Huy chương thì được thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng của vận động viên đoạt huy chương Vàng.

6. Mức thưởng đối với huấn luyện viên được tính theo khoản 8 Điều 3 của Quy định này.

7. Vận động viên lập thành tích tại giải thi đấu trẻ, giải cúp, giải câu lạc bộ Quốc gia, Đông Nam Á, Châu Á và Thế giới có phân theo lứa tuổi được thưởng theo mức sau:

a) Giải thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 5 của Quy định này.

b) Giải thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi mức thưởng bằng 35% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 5 của Quy định này.

c) Giải thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 5 của Quy định này.

d) Giải thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 5 của Quy định này.

8. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng Quốc gia mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng của giải Quốc gia từng môn tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

9. Học sinh đoạt giải khi tham gia Hội khỏe Phù Đổng do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức mức thưởng bằng 60% mức thưởng tương ứng của giải Quốc gia từng môn tại khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 5 của Quy định này.

10. Mức thưởng riêng cho môn Bóng đá được tính theo hệ số như sau (Áp dụng cho tập thể đội bóng):

Thành tích Quy mô giải đấu	Huy chương Vàng (Vô địch)	Huy chương Bạc (hoặc tương đương)	Huy chương Đồng (hoặc tương đương)
Giải vô địch Quốc gia (V.League)	300	250	200
Giải Cúp Quốc gia	250	200	150
Giải hạng Nhất Quốc gia	200	150	100
Giải hạng Nhì Quốc gia	150	100	80
Giải hạng Ba Quốc gia	100	80	60
Giải trẻ Quốc gia	80	60	40

Điều 6. Nội dung, mức thưởng thuộc lĩnh vực văn học - nghệ thuật

1. Đối tượng

a) Tác giả, nhóm tác giả thuộc tỉnh Thái Nguyên có tác phẩm văn học - nghệ thuật đoạt giải Đặc biệt; giải Nhất, giải Nhì, giải Ba (*hoặc giải A, giải B, giải C; hoặc huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng*); giải Khuyến khích hoặc giải tương đương tại các kỳ thi, cuộc thi Quốc tế; các kỳ thi, cuộc thi Quốc gia do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam; các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam tổ chức.

b) Tập thể, cá nhân thuộc tỉnh Thái Nguyên đoạt giải Đặc biệt; giải Nhất, giải Nhì, giải Ba (hoặc giải A, giải B, giải C; hoặc huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng); giải Khuyến khích hoặc giải tương đương tại các triển lãm, cuộc thi, liên hoan nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, truyền hình, mỹ thuật, nhiếp ảnh, kiến trúc, tuyên truyền, lý luận phê bình Quốc gia do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Hội đồng Lý luận phê bình Văn học Nghệ thuật Trung ương tổ chức.

c) Tập thể, cá nhân thuộc tỉnh Thái Nguyên đoạt giải Đặc biệt; giải Nhất, giải Nhì, giải Ba (hoặc giải A, giải B, giải C; hoặc huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng); giải Khuyến khích hoặc giải tương đương tại các triển lãm, cuộc thi, liên hoan nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, truyền hình, mỹ thuật, nhiếp ảnh Quốc tế do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam và các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam cử tham gia.

2. Mức thưởng đối với cá nhân đoạt giải là tác giả tác phẩm văn học - nghệ thuật; cá nhân đoạt giải nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp được tính theo hệ số như sau:

Thành tích	Giải Nhất (hoặc tương đương)	Giải Nhì (hoặc tương đương)	Giải Ba (hoặc tương đương)
Quy mô cuộc thi			
Giải Thế giới	70	50	35
Giải Châu lục	50	35	20
Giải Khu vực	30	20	12
Giải Quốc gia	8	4	2

3. Đối với nhóm tác giả có tác phẩm văn học - nghệ thuật, tiết mục biểu diễn đoạt giải: Tiết mục song ca (*hoặc 02 người*) mức thưởng bằng 02 lần; tiết mục đồng ca (*hoặc 03 người trở lên*) mức thưởng bằng 03 lần; tiết mục hợp xướng hoặc vở diễn (*được Hội đồng hoặc Ban Giám khảo xác định*) mức thưởng bằng 05 lần; tác phẩm điện ảnh mức thưởng bằng 07 lần mức thưởng quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Mức thưởng đối với tập thể và cá nhân đoạt giải nghệ thuật biểu diễn không chuyên Quốc gia (*do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức*) bằng 50% mức thưởng quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Đối với kỳ thi, cuộc thi thuộc lĩnh vực văn học - nghệ thuật cho học sinh, sinh viên, học viên do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, mức thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải bằng 50% mức thưởng quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 7. Nội dung, mức thưởng thuộc lĩnh vực thông tin - truyền thông

1. Đối tượng

a) Tập thể, cá nhân thuộc tỉnh Thái Nguyên đoạt giải Đặc biệt; giải Nhất, giải Nhì, giải Ba (*hoặc giải A, giải B, giải C; hoặc huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng*); giải Khuyến khích hoặc giải tương đương khi tham gia Giải thưởng báo chí Quốc gia (*báo hình, báo in, báo nói, báo điện tử*); các giải do Bộ, ngành Trung ương (*hoặc cơ quan được Bộ, ngành Trung ương ủy quyền*) tổ chức định kỳ, thường xuyên, có quy mô Quốc gia: Giải báo chí toàn quốc về xây dựng Đảng (*Giải Búa liềm vàng*); cuộc thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Giải thưởng sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Giải báo chí toàn quốc về Quốc hội và Hội đồng nhân dân (*Giải Diên Hồng*); Giải báo chí toàn quốc về phòng chống tham nhũng, tiêu cực; Giải thưởng toàn quốc về thông tin đối ngoại; Giải báo chí vì sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc; Liên hoan Phát thanh toàn quốc; Liên hoan Truyền hình toàn quốc; Giải thưởng tin học Quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

b) Tập thể, cá nhân thuộc tỉnh Thái Nguyên đoạt giải Đặc biệt; giải Nhất, giải Nhì, giải Ba (*hoặc giải A, giải B, giải C; hoặc huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng*); giải Khuyến khích hoặc giải tương đương khi tham gia giải thưởng báo chí Quốc tế do Bộ, ngành Trung ương (*hoặc cơ quan được Bộ,*

ngành Trung ương ủy quyền) cử tham gia. Nội dung dự thi phải phù hợp với văn hóa và quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Mức thưởng đối với cá nhân đoạt giải theo hệ số sau:

Thành tích Quy mô cuộc thi	Giải Nhất (hoặc tương đương)	Giải Nhì (hoặc tương đương)	Giải Ba (hoặc tương đương)
Giải Thế giới	70	50	35
Giải Châu lục	50	35	20
Giải Khu vực	30	20	12
Giải Quốc gia	8	4	2

3. Mức thưởng đối với tập thể đoạt giải: Bằng 02 lần mức thưởng giải cá nhân tương ứng.

4. Mức thưởng đối với giáo viên, giảng viên trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn được tính theo khoản 8 Điều 3 của Quy định này.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước cấp qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định./.